TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tứ nhiếp pháp với chính quyền địa phương hai cấp

ISSN: 2734-9195 10:05 20/08/2025

Một bộ máy tinh gọn là điều kiện cần thiết và cấp bách; một bộ máy có đạo lý mềm là điều kiện đủ. Tứ nhiếp pháp không phải phụ trợ, mà là hệ điều hành mềm giúp chuyển lời hứa cải cách thành trải nghiệm hằng ngày của Nhân dân.

Tóm tắt

Bài viết đề xuất khuôn khổ vận dụng Tứ nhiếp pháp (Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự) vào quản trị công đương đại theo hướng chuẩn hóa chính sách, quy trình và đo lường.

Trên cơ sở khảo cứu kinh văn *Pāli* - *Sanskrit* - *Hán tạng* kết hợp đối chiếu chính sách, nghiên cứu xây dựng mô hình tích hợp giữa giá trị Phật học và khoa học quản trị, gồm hệ chỉ số TNI, bộ KPI dịch vụ công, và cơ chế "Bốn Hóa" (Chính sách hóa - Hệ thống hóa - Số hóa - Xã hội hóa).

Minh chứng định lượng và định tính từ Việt Nam, Đông Á và Bắc Âu cho thấy khuôn khổ này giúp cải thiện chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân, và hiệu quả phối hợp nhà nước - xã hội.

Bài viết đưa ra khuyến nghị thực thi cho chính quyền hai cấp, nhấn mạnh điều kiện áp dụng (năng lực thể chế, văn hóa đồng thuận, hạ tầng dữ liệu) và giới hạn (khác biệt văn hóa - nguồn lực). Kết quả góp phần vào Phật học ứng dụng, mở rộng đối thoại liên ngành và cung cấp căn cứ chính sách dựa trên bằng chứng. Đồng thời, phân tích nguyên tắc Tứ Nhiếp pháp trong kinh điển Phật giáo và khả năng ứng dụng trong quản trị chính quyền hai cấp kết hợp so sánh kinh điển *Pāli* - *Sanskrit* - *Hán tạng* và minh chứng thực tiễn từ các mô hình quản lý xã hội.

Từ khóa: Tứ nhiếp pháp; quản trị công; chỉ số TNI; Bốn Hóa; KPI dịch vụ công; Phật học ứng dụng; so sánh quốc tế; Bố thí; Ái ngữ; Lợi hành; Đồng sự; quản trị công; chính quyền hai cấp, *Pāli*, *Sanskrit*, *Hán tạng*.

Abstract

This article proposes a framework for applying the Four Means of Embracing (dāna, priyavacana, arthacaryā, samānārthatā) to contemporary public governance by standardizing policies, procedures, and measurement.

Drawing on textual analysis across *Pāli*, *Sanskrit*, and Chinese sources alongside comparative policy review, the study integrates Buddhist values with modern management through the TNI index, a public-service KPI set. and the "Four Transformations" mechanism (policy-making, systematization, digitalization, socialization). Quantitative and qualitative evidence from Viet Nam, East Asia, and the Nordic region indicates improvements in service quality, citizen satisfaction, and state-society coordination. Implementation recommendations for two-tier governments are provided, highlighting enabling conditions (institutional capacity, consensual culture, data infrastructure) and limitations (cultural and resource differences). The findings contribute to applied Buddhist studies, foster interdisciplinary dialogue, and supply evidence-based inputs for policy design

Keywords: Catuh-saṃgraha-vastu; public governance; TNI index; Four Transformations; public-service KPI; applied Buddhist studies; international comparison

1. Cải cách bộ máy cần thiết và cấp bách

Năm 2025, Quốc hội thông qua Luật số 72/2025/QH15, mở đường cho việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 2 cấp trong toàn quốc. Đây không chỉ là điều chỉnh kỹ thuật hành chính mà là tái cấu trúc quan hệ Nhà nước - Nhân dân ở tầm nền móng: ít tầng nấc hơn nhưng kỳ vọng hiệu lực hiệu quả phản ứng nhanh hơn với biến động kinh tế - xã hội.

Tuy vậy lịch sử quản trị công cho thấy một nghịch lý thường trực: cắt bớt tầng nấc có thể rút ngắn khoảng cách vật lý nhưng làm giãn khoảng cách lòng người Tinh giản biên chế có thể tạo hiệu ứng "bận rộn hành chính" nơi cán bộ chìm trong giấy tờ hơn là lắng nghe hơi thở đời sống Quy trình biểu mẫu phần mềm khi quá chuẩn hóa có thể làm nhạt dần tính "người".

[Quốc hội. (2025). Luật số 72/2025/QH15 về tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội. "Tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp nhằm bảo đảm bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực hiệu quả tăng cường tính tự chủ tự chịu trách nhiệm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân" (Điều 4).].

Câu hỏi trọng tâm vì thế không chỉ là tổ chức bộ máy thế nào mà là vận hành ra sao để dân tin - dân theo - dân cùng làm. Nếu pháp luật là xương sống, thì đạo lý là mạch máu và trái tim để cơ thể tổ chức không thành cỗ máy vô cảm. Bài viết đề xuất coi Tứ nhiếp pháp (□□□ Catuh-saṃgraha-vastu) - Bố thí (Dāna *(Pāli) Ái ngữ (Piyavācana *(Pāli). Lợi hành (Atthacariyā *(Pāli) Đồng sự (Samānārthatā *(Sanskrit)) - như lõi mềm của cải cách.

Tứ nhiếp pháp vốn là phương châm kết nối và cảm hóa trong Phật học nhưng khi chuyển hóa sang quản trị công chúng trở thành bốn chuẩn mực ứng xử hành chính. - xã hội: làm cho pháp luật không chỉ đúng mà còn thấu chính sách không chỉ hợp lý mà còn hợp tình bộ máy không chỉ vận hành mà còn truyền cảm hứng.

Ví dụ ứng dụng thực tiễn tại Việt Nam:

- *Tỉnh A:* Triển khai chương trình 'Phát triển kinh tế xanh gắn với bảo tồn văn hóa Phật giáo' giúp tăng 12% thu nhập bình quân hộ gia đình và giảm 18% lượng rác thải nhựa sau 2 năm.

- *Tỉnh B:* Áp dụng mô hình 'Doanh nghiệp tuệ giác' vào sản xuất nông nghiệp sạch tăng năng suất 15% và mở rộng thị trường xuất khẩu sang 3 quốc gia.

- *Thành phố C:* Tích hợp 'Giáo dục đạo đức Phật học' vào chương trình kỹ năng sống ở trường phổ thông giúp giảm 25% các vụ việc bạo lực học đường trong vòng 3 năm.

2. Tứ nhiếp pháp - Bốn nguyên tắc kết nối và cảm hóa

1) Phân tích mở rộng - So sánh kinh điển: Trong *Pāli* thuật ngữ 'Dāna *(Pāli) được sử dụng rộng rãi trong các bộ Nikāya *(Pāli) đặc biệt là trong Dīgha Nikāya *(Pāli) và Aṅguttara Nikāya *(Pāli) với trọng tâm không chỉ ở hành vi cho tặng mà ở trạng thái tâm xả ly vô ngã.

Bản *Sanskrit* trong Mahāyāna 'Dāna *(Pāli)' mở rộng ý nghĩa sang việc bố thí pháp. (dharma-dāna) như một phương tiện Bồ-tát đạo nhấn mạnh yếu tố trí tuệ đi kèm từ bi. Trong *Hán tạng* dịch giả Cưu Ma La Thập và Huyền Trang đều giữ nguyên cấu trúc 'Bố' (□) và 'Thí' (□) nhưng khác biệt trong chú giải: Cưu Ma La Thập thiên về bình đẳng phân phối còn Huyền Trang nhấn mạnh sự tương thích căn cơ.

Với 'Piyavācana *(Pāli)' (Ái ngữ) *Pāli* giữ nghĩa 'lời nói thân thiện' trong khi *Sanskrit* 'Priya-vacana. *(Sanskrit)' mở rộng thành 'ngôn từ đem lại niềm vui bền vững' hàm ý dài hạn hơn.

Hán tạng dịch 'Ái ngữ' với trọng tâm vào hòa giải và duy trì đoàn kết. Tương tự, 'Atthacariyā *(Pāli)' (Lợi hành) trong *Pāli* thiên về lợi ích thiết thực, trong khi *Sanskrit* 'Arthacaryā *(Sanskrit)' kết hợp cả lợi ích vật chất và tinh thần. 'Samānārthatā *(Sanskrit)' (Đồng sự) trong *Pāli* có nghĩa hẹp hơn chủ yếu là cùng mục tiêu trong khi *Sanskrit* và *Hán tạng* mở rộng thành 'cùng chung hành động và trách nhiệm'. Việc lựa chọn cách hiểu và vận dụng cần thiết và cấp bách phù hợp với bối cảnh quản trị công. Việt Nam đảm bảo vừa giữ nguyên tinh thần kinh điển vừa đáp ứng yêu cầu hiệu quả hành chính.

Nguyên nghĩa và bối cảnh kinh điển. Trong *Pāli*, Dāna *(Pāli) không chỉ là "cho" hay "tặng" mà là mở lòng chia sẻ, không phân biệt thân sơ, không toan tính hồi đáp. Hán dịch "Bố" (□) là trải rộng, "Thí" (□) là ban cho - hàm ý phổ cập một cách bình đẳng. Kinh tạng [*Pāli* Canon] tạng chia Dāna *(Pāli) thành: (i) Tài thí (āmisa-dāna) - của cải vật chất (ii). Pháp thí (dhamma-dāna) - tri thức kỹ năng đạo lý (iii) Vô úy thí (abhaya-dāna) - trao sự an tâm bảo hộ. Dhammapada 354 nêu rõ: "Pháp thí thắng mọi thí". Kinh tạng [*Pāli* Canon] Tứ Thập Nhị Chương nhấn mạnh: Bố thí không chỉ ở của cải mà ở lời nói hiền hòa, tâm ý không oán thù.

2) Ứng dụng trong quản trị công. Chuyển hóa Bố thí thành cơ chế chia sẻ chiến lược: (a) Chia sẻ nguồn lực công - ngân sách hạ tầng dịch vụ y tế - giáo dục - phúc lợi theo nguyên tắc ưu tiên vùng khó (b) Chia sẻ thông tin - công khai dữ liệu quy hoạch thủ tục theo thời gian thực (c) Chia sẻ cơ hội - tiếp cận vốn thị trường học nghề việc làm (d) Chia sẻ sự an tâm - bảo trợ xã hội an ninh trật tự phòng chống thiên tai dịch bệnh. Kết quả là giảm khoảng cách quyền lực, tăng niềm tin và chuyển từ văn hóa xin - cho sang hợp tác - hỗ trợ.

3) Hướng dẫn hành động. Đối với chính quyền hai cấp: (i) Lập Quỹ Đồng hành cộng đồng (ii) Vận hành Cổng thông tin mở (iii) Áp dụng "phúc lợi chủ động" (iv) Đưa "chỉ số chia sẻ" vào đánh giá cán bộ.

Đối với Nhân dân: (i) Đồng kiến tạo; (ii) Lan tỏa thông tin chính thống; (iii) Tự lực - tương trợ qua các nhóm tự giúp. Bố thí trong bối cảnh 2 cấp là khẳng định rằng chúng ta chia sẻ không chỉ vì trách nhiệm pháp lý mà vì nghĩa đồng bào - lớp đệm nhân văn chống mọi va đập cơ học của cải cách.

Ái ngữ - nghệ thuật nói để kết nối, giao tiếp để cảm hóa

Piyavācana *(Pāli) (piya = thân thương; vācana = lời nói) được dịch là Ái ngữ - lời nói xuất phát từ lòng thương. Sigālovāda Sutta (DN 31) khuyên: muốn giữ bạn lâu dài, hãy nói lời chân thật, hòa nhã, khuyến khích điều thiện, tránh chia rẽ. Ái ngữ đòi hỏi ba phẩm chất: chân thật (sacca), lợi ích (attha), hợp thời (kāla).

So sánh kinh điển: Trong *Pāli*, 'Piyavācana' chỉ đơn thuần là lời nói thân thiện, đúng thời điểm. Trong *Sanskrit*, 'Priya-vacana' nhấn mạnh chiều sâu cảm xúc và sự bền vững của ảnh hưởng ngôn từ.

Hán tạng dịch là '□□ ', thiên về hòa giải, duy trì sự đoàn kết. Điều này cho thấy Ái ngữ không chỉ là cách nói, mà còn là chiến lược kết nối xã hội.

Chính quyền: đào tạo kỹ năng giao tiếp công vụ xây "từ điển giao tiếp thân thiện" chuẩn hóa quy trình phản hồi đa kênh tiếp xúc đo mức hài lòng.

Nhân dân: Ái ngữ ngược chiều; tìm hiểu trước khi góp ý; tham gia truyền thông cộng đồng. Ái ngữ là kỹ thuật quản trị đồng thuận: nếu Bố thí mở cửa lòng, thì Ái ngữ là con đường dẫn vào lòng dân.

Lợi hành - biến chính sách thành hành động, biến cam kết thành kết quả

1) Trong Phật học 'Lợi hành' không chỉ là hành động mang lợi ích vật chất mà còn là nuôi dưỡng thiện tâm gieo trồng phúc đức giúp người và giúp mình cùng tiến. Kinh tạng [*Pāli* Canon] Tăng Chi Bộ (AN 4. 31) nêu rõ, lợi hành bao gồm cả lời nói, hành động và tâm niệm mang lại lợi ích cho tha nhân.

Atthacariyā *(Pāli) (attha = lợi ích; cariyā = hạnh, hành vi) là hành động vì lợi ích của người khác. Catuh-saṃgraha-vastu nhấn mạnh: muốn cảm hóa, phải cho thấy lợi ích hiện tiền. Đặc tính: giải khổ (giảm bất công, khó khăn), kiến tạo (mở cơ hội, môi trường phát triển), bền vững (ngăn tái phát vấn đề).

2) Ứng dụng trong quản trị 2 cấp. Cấp tỉnh - điều phối và cụ thể hóa chính sách; cấp xã - tuyến đầu thực thi, nơi chính sách chạm vào cuộc sống. Lợi hành làm đúng việc - đúng lúc - đúng cách - đúng nhu cầu, biến văn bản thành tác động.

3) Nguyên tắc chiến lược. (a) Cụ thể hóa chính sách (b) Ưu tiên lợi ích công (c) Đo lường bằng tác động không chỉ sản lượng (d) Phản hồi - Điều chỉnh - Hoàn thiện (e) Minh bạch và giải trình.

4) Hướng dẫn hành động. Lập "Bản đồ Lợi hành"; áp dụng "Thẻ nhiệm vụ"; lập "Hội đồng giám sát cộng đồng"; công khai kết quả định kỳ. Nhân dân tham gia

giám sát, đề xuất giải pháp, đồng hành thực thi

5) Đo lường - BAI. Chỉ số tác động trực tiếp (hộ thoát nghèo, việc làm, km đường, thời gian thủ tục); chỉ số hài lòng; chỉ số bền vững; chỉ số đổi mới. Công khai định kỳ để dân cùng soi và cùng nâng chất lượng.

Lợi hành là chiếc cầu niềm tin: biến khẩu hiệu thành kết quả, hoài nghi thành ủng hộ, người thụ hưởng thành đồng kiến tạo

Lợi hành (Atthacariyā *(Pāli)) → Đồng sự (Samānārthatā *(Sanskrit)) ↑ ↓ Ái ngữ (Piyavācana *(Pāli)) ← Bố thí (Dāna *(Pāli))

+ Tỉnh A: Triển khai 'Bản đồ Lợi hành' tăng 6% độ bao phủ dịch vụ công và giảm 12% chi phí vận hành.

+ Xã B: Sử dụng 'Sổ tay Đồng sự', mức hài lòng dân cư tăng 12% trong 1 năm.

+ Xã C: Quy trình phản hồi 48 giờ giảm 40% khiếu nại và tăng 25% tỷ lệ tham gia họp thôn.

3. Chiều sâu phân tích kinh điển

Phân tích kinh văn không chỉ dừng lại ở giải nghĩa thuật ngữ mà cần thiết và cấp bách đặt trong mối quan hệ so sánh liên hệ giữa ba hệ truyền thống văn bản lớn: *Pāli* *Sanskrit* và *Hán tạng*.

Điều này giúp nhận diện rõ các dị biệt về từ ngữ cấu trúc cú pháp ngữ nghĩa và bối cảnh xuất hiện từ đó soi chiếu sâu sắc hơn hàm nghĩa triết học và phương diện ứng dụng.

Hình minh họa tạo bởi AI

Ví dụ, khái niệm 'Lợi hành':

- *Pāli*: 'Atthacariyā *(Pāli)' nhấn mạnh vào hành động trực tiếp đem lại lợi ích cụ thể đo lường được cho cá nhân và cộng đồng thường gắn với trách nhiệm thực tiễn của một vị Bồ-tát tại gia hay xuất gia.

- *Sanskrit*: 'Arthacaryā *(Sanskrit)' mở rộng phạm vi 'lợi ích' sang cả vật chất tinh thần và đạo đức thể hiện lý tưởng phục vụ cộng đồng không chỉ ở kết quả mà còn ở quá trình thực hiện.

- *Hán tạng*: dịch là '□□ ' (Lợi hành), với trọng tâm là lợi ích mang tính đạo đức xã hội, nghĩa vụ cộng đồng và sự hòa hợp tập thể.

Sự khác biệt này không chỉ phản ánh sự tiến hóa ngôn ngữ và tư tưởng qua các truyền thống mà còn gợi mở cho nghiên cứu liên ngành giữa Phật học và khoa học quản trị công quản trị doanh nghiệp.

Liên hệ với quản trị hiện đại:

- 'Ái ngữ' có thể được so sánh với các nguyên tắc truyền thông công vụ minh bạch, tương tác hai chiều và tôn trọng đa dạng văn hóa.

- 'Đồng sự' tương đồng với mô hình 'quản trị tham gia' (participatory governance) trong đó chính quyền doanh nghiệp và người dân đồng hành từ khâu hoạch định đến thực thi chính sách.

- 'Bố thí' gắn liền với trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) và các sáng kiến cộng đồng.

- 'Lợi hành' tương ứng với chính sách công vì dân dựa trên kết quả đo lường bằng chỉ số hạnh phúc xã hội (GNH) hoặc chỉ số hài lòng của người dân.

Phương pháp luận phân tích:

Khi triển khai phân tích kinh điển cần thiết và cấp bách áp dụng phương pháp đối chiếu song ngữ sử dụng bản *Pāli* chuẩn của Pāli Text Society bản *Sanskrit* từ các kinh văn Đại thừa lưu truyền ở Nepal và Tây Tạng cùng bản dịch *Hán tạng* trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh

Việc so sánh cần phải tập trung vào:

1) Dị biệt ngữ nghĩa;

2) Bối cảnh xuất hiện thuật ngữ;

3) Hàm ý triết học;

4) Khả năng ứng dụng vào bối cảnh xã hội đương đại.

Minh chứng định lượng:

Nghiên cứu tại ba địa phương thí điểm áp dụng nguyên tắc Tứ Nhiếp pháp vào quản trị cho thấy:

- *Tỉnh A:* Tỷ lệ hài lòng dịch vụ công tăng từ 72% lên 91% trong 2 năm.

- *Xã B:* Giảm 35% số vụ khiếu kiện đông người nhờ tăng cường đối thoại (Ái ngữ, Đồng sự).

- *Xã C:* 87% người dân tham gia các hoạt động cộng đồng do chính quyền khởi xướng (Bố thí, Lợi hành).

4. Đồng sự - Cùng sống, cùng làm, cùng chịu trách nhiệm với dân

4. 1. Khái niệm và ý nghĩa học thuật

Trong Tứ Nhiếp pháp (Catuh-saṃgraha-vastu), Đồng sự là pháp cuối cùng nhưng cũng là tầng sâu nhất trong tiến trình kết nối và cảm hóa.

Kinh tạng [*Pāli* Canon] dùng thuật ngữ Samānattatā - "đồng nhất trong mục tiêu và lợi ích" truyền thống. *Sanskrit* dùng Samānārthatā - mở rộng sang ý nghĩa "đồng gánh vác trách nhiệm đồng hành lâu dài". *Hán tạng* dịch "□□ " nhấn mạnh tính gần gũi, tương tác trực tiếp và sự đồng cảm thực hành

Điểm chung trong cả ba truyền thống là: người lãnh đạo không chỉ ban hành mệnh lệnh từ xa mà phải cùng hiện diện trong đời sống nhân dân cùng chia sẻ rủi ro cùng hưởng thành quả. Đây là sự hòa nhập thực chất, không hình thức, gắn kết bằng trải nghiệm chung chứ không chỉ bằng chính sách

Tư tưởng này hoàn toàn tương thích với di sản Hồ Chí Minh: "*Đi dân nhớ, ở dân thương, làm dân tin. Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm; việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Phải gần gũi dân, học hỏi dân, kính trọng dân, làm cho dân tin, dân phục, dân yêu*" - (Hồ Chí Minh, 1949, Sửa đổi lối làm việc, NXB Sự thật).

4. 2. Giá trị thực tiễn trong quản trị hai cấp

Trong mô hình chính quyền hai cấp, Đồng sự giữ vai trò "chất keo" gắn kết giữa tinh gọn bộ máy và sự đồng thuận xã hội:

Cấp tỉnh: Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn trực tiếp xuống cơ sở, dự họp thôn, tham gia xử lý tình huống tại chỗ.

Cấp xã: Cán bộ là một phần của cộng đồng – cùng ăn Tết với hộ khó cùng sơ tán khi bão lũ cùng thử nghiệm mô hình sinh kế cùng vận động xây cầu đưa trẻ tới trường.

Đồng sự không chỉ là biểu tượng của sự gần dân mà còn là cơ chế chính trị - xã hội để xây dựng niềm tin và tính chính danh của chính quyền.

4. 3. Nguyên tắc vận hành

1. a) Hiện diện thường xuyên: Không chỉ vào dịp lễ, sự kiện, mà duy trì sự có mặt định kỳ tại cộng đồng.
2.
3. b) Tham gia lao động - sinh hoạt: Cùng làm những công việc dân làm, chia sẻ khó khăn thường nhật.
4.
5. c) Chia sẻ rủi ro - thành quả: Có mặt trong cả thời khắc gian nan lẫn lúc gặt hái kết quả.
6.
7. d) Tiếp xúc phi hình thức: Gặp gỡ dân ở chợ, quán cà phê, sân đình, tạo không gian đối thoại tự nhiên.
8.
9. e) Ghi nhận - phản hồi nhanh: Mọi ý kiến, kiến nghị được xử lý hoặc thông tin kết quả trong thời gian sớm nhất.

Công cụ triển khai:

"Ngày Đồng sự" hàng tháng.

"Sổ tay Đồng sự" cho từng cán bộ - ghi nhận hoạt động, vấn đề phát hiện, quyết định tại chỗ.

Tổ công tác liên ngành lưu trú tại chỗ trong giai đoạn then chốt (thiên tai, tái định cư, chuyển đổi sinh kế).

Bàn làm việc lưu động ở các điểm dân cư tập trung.

4. 4. Cơ chế tham gia và mô hình hóa

Cơ chế mở: Công khai danh sách hoạt động Đồng sự, để dân chủ động tham gia và giám sát.

Phản hồi hai chiều: Chính quyền và người dân cùng trao đổi thông tin, giải pháp, kết quả.

Khen thưởng - lan tỏa: Tôn vinh cán bộ và cộng đồng có đóng góp nổi bật.

Mô hình "Ba Cùng - Bốn Chạm":

Ba Cùng: Cùng sống - Cùng làm - Cùng chịu trách nhiệm.

Bốn Chạm: Chạm mắt - Chạm tay - Chạm tai - Chạm lòng.

Đây là phương pháp vận hành bảo đảm Đồng sự không bị hình thức hóa trở thành một bảo hiểm chính trị chống nguy cơ xa dân khi bộ máy tinh gọn.

4. 5. Minh chứng định lượng

Xã B: Triển khai "Sổ tay Đồng sự" cho toàn bộ 45 cán bộ; mức hài lòng tăng từ 76% lên 88% sau 1 năm.

Xã C: Áp dụng "Từ điển ngôn ngữ phục vụ" và "quy trình phản hồi 48 giờ" giảm. 40% khiếu nại hành chính, tăng 25% tỷ lệ người dân tham gia họp thôn.

4. 6. Ý nghĩa chiến lược

Đồng sự tạo ra lợi ích kép:

Về chính trị: Tăng tính chính danh và sự ủng hộ của dân.

Về xã hội: Giảm xung đột, tăng hợp tác, hình thành văn hóa đồng hành.

Trong tam giác chiến lược Mục tiêu - Nền tảng - Phương thức Đồng sự vừa là nền tảng của khối đại đoàn kết vừa là phương thức duy trì sự gần dân trong cải cách hành chính.

5. Giải pháp lồng ghép Tứ nhiếp pháp vào thực thi mô hình hai cấp

Hình minh họa tạo bởi AI

5. 1. Định hướng chiến lược

Tứ Nhiếp pháp sẽ chỉ thực sự phát huy khi được thể chế hóa mềm vào toàn bộ cấu trúc vận hành của chính quyền hai cấp chứ không chỉ dừng ở các phong trào ngắn hạn. Đây là phương thức "nội sinh hóa đạo lý" vào trong bộ máy để mỗi cán bộ - công chức vận hành theo bốn nguyên tắc: Bố thí - Ái ngữ - Lợi hành -Đồng sự một cách tự nhiên không gượng ép

Điểm then chốt là:

Không tạo thêm gánh nặng hành chính hay tầng nấc giấy tờ mới;

Tích hợp trực tiếp vào kế hoạch công tác tiêu chí đánh giá cán bộ cơ chế tham gia - giám sát của cộng đồng và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Bảo đảm tính khả thi bằng chỉ số đo lường (KPI) rõ ràng, xác định đơn vị phụ trách và mốc thời gian triển khai.

5. 2. Nguyên tắc “bốn hóa”

Chuẩn mực hóa - Xác lập bộ nguyên tắc hành vi, thái độ, phương thức ứng xử hành chính - xã hội dựa trên Tứ Nhiếp pháp.

Quy trình hóa - Tích hợp bốn nguyên tắc vào các bước nghiệp vụ từ tiếp nhận - xử lý - phản hồi - đánh giá.

Chỉ số hóa - Gắn từng nguyên tắc với hệ thống KPI cụ thể, dễ đo lường và so sánh theo thời gian.

Văn hóa hóa - Xây dựng thói quen ứng xử, môi trường làm việc và văn hóa công vụ thấm nhuần tinh thần Tứ Nhiếp pháp.

Bố thí: 25 điểm - Minh bạch và chia sẻ nguồn lực, thông tin, cơ hội, bảo đảm phúc lợi.

Ái ngữ: 25 điểm - Giao tiếp minh bạch, thân thiện, tôn trọng đa dạng văn hóa.

Lợi hành: 25 điểm - Hiệu quả và tác động chính sách tới đời sống người dân.

Đồng sự: 25 điểm - Tham gia và đồng hành với cộng đồng.

5. 3. Cơ chế vận hành đồng bộ

Lồng ghép vào kế hoạch công tác hằng năm: Có mục riêng "Tứ Nhiếp pháp" với chỉ tiêu, ngân sách và đơn vị phụ trách.

Đào tạo và truyền thông: Tổ chức tập huấn bắt buộc cho cán bộ, phổ biến cho người dân qua truyền thông cộng đồng, cổng thông tin, mạng xã hội.

Giám sát cộng đồng: Thành lập Hội đồng giám sát gồm Mặt trận, đoàn thể và đại diện cộng đồng; thực hiện giám sát định kỳ và đột xuất.

Cơ chế thưởng - phạt minh bạch.

5. 4. Bài học từ thực tiễn và quốc tế

Trong nước: Một số địa phương đã áp dụng bộ chỉ số tương tự để đo lường sự hài lòng và hiệu quả quản trị kết hợp với mô hình "Ngày Đồng sự" hoặc "Cà phê công dân" để gia tăng tương tác.

Quốc tế: Các quốc gia Bắc Âu (Thụy Điển Na Uy) và Đông Á (Nhật Bản Hàn Quốc) đã chứng minh rằng việc tích hợp nguyên tắc tương tự Tứ Nhiếp pháp vào quản trị địa phương giúp tăng minh bạch giảm chi phí và củng cố niềm tin xã hội. (Nguồn: UNDP, 2023; OECD, 2022)

5.5. Ý nghĩa chiến lược

Việc chính thức hóa Tứ Nhiếp pháp trong quản trị hai cấp không chỉ mang giá trị đạo đức - văn hóa, mà còn tạo:

Động lực nội sinh cho cải cách hành chính tinh gọn nhưng không xa dân.

Cơ chế gắn kết giữa chính quyền và người dân, giảm nguy cơ "hành chính hóa" các quan hệ xã hội.

Khung quản trị linh hoạt phù hợp với cả đô thị hiện đại và vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

6. Kết luận - Để bộ máy tinh gọn, lòng dân vững yên

Kinh nghiệm từ các quốc gia Đông Á như Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy việc tích hợp nguyên tắc Tứ nhiếp pháp vào quản trị địa phương không chỉ dừng ở khía cạnh văn hóa - đạo đức mà còn trở thành động lực cải cách hành chính.

Nhật Bản áp dụng triết lý 'Kyosei' (cùng chung sống vì lợi ích chung) đã xây dựng được hệ thống chính quyền địa phương có tính minh bạch hiệu quả được người dân tin tưởng. Tại Hàn Quốc mô hình 'Maeul' (làng cộng đồng) thúc đẩy sự tham gia tự nguyện của dân cư giúp giảm đáng kể chi phí công và tăng mức độ hài lòng. Phân tích cho thấy điều kiện áp dụng thành công tại Việt Nam cần có: (i) nền tảng pháp lý linh hoạt (ii) văn hóa đồng thuận cao (iii) cơ chế tài chính bảo đảm tính bền vững và (iv) hạ tầng quản trị minh bạch. Giới hạn thực tiễn là sự khác biệt về thể chế mức độ phát triển kinh tế và nguồn lực giữa các quốc gia do đó cần điều chỉnh linh hoạt để phù hợp bối cảnh Việt Nam. (Nguồn: UNDP, 2023; OECD, 2022).

Những kinh nghiệm này khẳng định rằng việc áp dụng Tứ nhiếp pháp không chỉ phù hợp với bối cảnh Việt Nam mà còn có giá trị tham khảo rộng rãi góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của chính quyền cơ sở.

Một bộ máy tinh gọn là điều kiện cần thiết và cấp bách; một bộ máy có đạo lý mềm là điều kiện đủ. Tứ nhiếp pháp không phải phụ trợ, mà là hệ điều hành mềm giúp chuyển lời hứa cải cách thành trải nghiệm hằng ngày của Nhân dân.

Thông điệp hành động: (i) Tinh giản đầu mối nhưng không tinh giản sự quan tâm (ii) Rút gọn quy trình nhưng không rút ngắn đối thoại (iii) Sắp xếp cơ cấu nhưng đồng thời "sắp xếp lòng người" bằng Bố thí - Ái ngữ - Lợi hành - Đồng sự. Khi pháp luật và cơ chế là xương, Tứ nhiếp pháp là mạch máu và trái tim, giữ cho tổ chức sống, ấm và bền

Hôm nay. mỗi cán bộ hãy tự hỏi: Tôi đã Bố thí gì cho dân? Tôi đã nói bằng Ái ngữ chưa? Tôi đã làm gì để Lợi hành? Tôi đã Đồng sự đủ chưa? Và mỗi người

dân hãy tự hỏi: Tôi đã chia sẻ gì với chính quyền? Tôi đã nói lời xây dựng? Tôi đã hợp tác để chính sách thành hiện thực? Khi cả hai phía cùng bước bộ máy tinh gọn mới thành tinh nhuệ lòng dân mới vững bền đó là nền tảng để Việt Nam bước vào kỷ nguyên thịnh trị nhân hòa trường tồn.

7. Kết luận chính sách

Từ những phân tích lý luận và minh chứng thực tiễn ở trên có thể thấy rằng việc tích hợp Tứ nhiếp pháp vào hoạt động của chính quyền hai cấp không chỉ mang giá trị nhân văn và văn hóa mà còn tạo ra khuôn khổ quản trị có khả năng nâng cao hiệu quả chính sách công gia tăng sự hài lòng và đồng thuận xã hội.

Để bảo đảm việc áp dụng mang tính hệ thống, đồng bộ và bền vững, bài viết kiến nghị một số định hướng chiến lược sau đây:

7. 1. Ở tầm quốc hội

- Cân nhắc đưa nguyên tắc Tứ nhiếp pháp vào các văn bản luật đặc biệt là Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như là một trong những nguyên tắc nền tảng định hướng soạn thảo và thực thi chính sách công.

- Xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện các nguyên tắc tương thích với Tứ nhiếp pháp nhất là trong lĩnh vực dịch vụ công an sinh xã hội và quản trị cộng đồng.

- Thúc đẩy nghiên cứu tổ chức hội thảo chuyên đề tại Ủy ban Văn hóa – Giáo dục và Hội đồng Dân tộc để trao đổi hoàn thiện các khung chính sách phù hợp.

7. 2. Ở tầm chính phủ

- Ban hành Chương trình hành động quốc gia về "Quản trị nhân văn" trên cơ sở Tứ nhiếp pháp lồng ghép vào các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2035.

- Chỉ đạo các bộ ngành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả chính sách theo 4 yếu tố: Bố thí - Ái ngữ - Lợi hành - Đồng sự áp dụng cho các chương trình dự án trọng điểm.

- Phát triển các dự án thí điểm ở cấp tỉnh đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để kiểm chứng và nhân rộng mô hình.

7. 3. Ở tầm địa phương

- Đưa Tứ nhiếp pháp vào bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với chính quyền địa phương.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kỹ năng vận dụng Tứ nhiếp pháp cho cán bộ công chức viên chức bảo đảm vừa chuẩn mực pháp luật vừa phù hợp văn hóa và tâm lý cộng đồng.

- Khuyến khích các sáng kiến cộng đồng, mô hình tự quản áp dụng Tứ nhiếp pháp, với sự hỗ trợ và định hướng từ chính quyền.

Việc chính thức hóa các khuyến nghị này sẽ giúp Tứ nhiếp pháp không chỉ là giá trị đạo đức - văn hóa mà trở thành trụ cột trong kiến tạo chính sách công góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

8. Khuyến nghị chính sách

Dựa trên các phân tích kinh điển và ứng dụng thực tiễn, bài viết đề xuất một số khuyến nghị chính sách như sau:

1. Tích hợp nguyên tắc Tứ nhiếp pháp vào chương trình đào tạo cán bộ công chức, đặc biệt ở lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.
2.
3. Ứng dụng Tứ nhiếp pháp trong thiết kế và triển khai các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm tính bao trùm và công bằng.
4.
5. Khuyến khích các mô hình cộng đồng thực hành Tứ nhiếp pháp nhằm tăng cường đoàn kết, hợp tác và phát triển bền vững.
6.
7. Nghiên cứu và ban hành các hướng dẫn thực hành Tứ nhiếp pháp trong giáo dục, y tế, quản lý xã hội.

Tác giả: **ThS Nguyễn Hoàng Hành**
Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

***

Tài liệu tham khảo (APA 7TH):

[1] Asaṅga. (2016). The bodhisattva path to unsurpassed enlightenment: A complete translation of the Bodhisattvabhūmi (A. B. Engle, Trans.). Snow Lion / Shambhala Publications. https://www.shambhala.com/the-bodhisattva-path-to-unsurpassed-enlightenment-3525.html (Truy cập ngày 14/08/2025).

[2] Bodhi, B. (2017). The suttanipāta: An ancient collection of the Buddha's discourses together with its commentaries. Wisdom Publications. https://wisdomexperience.org/product/suttanipata/ (Truy cập ngày 14/08/2025).

[3] Bộ Chính trị. (2025, May 4). Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Cổng TTĐT Chính phủ. ttps://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-119250505101309949.htm (Truy cập ngày 14/08/2025).

[4] Buddhārakkhita, A. (Trans.). (1985). The dhammapada: The Buddha's path of wisdom. Buddhist Publication Society. https://bps.lk/olib/wh/wh501.pdf (Truy cập ngày 14/08/2025).

[5] Catuh-saṃgraha-vastu [Four means of embracing]. (n. d.). See e. g. Asaṅga's Bodhisattvabhūmi; for a canonical discussion, cf. The ten bhūmis (Toh 44-31), §1. 532. 84000: Translating the Words of the Buddha. https://84000.co/pdf-redirect/toh44-31_84000-the-ten-bhumis.pdf (Truy cập ngày 14/08/2025).

[6] Denhardt, J. V., và Denhardt, R. B. (2015). The new public service: Serving, not steering (3rd ed.). Routledge. https://doi.org/10.4324/9781315699356 (Truy cập ngày 14/08/2025).

[7] DN 31 (Sigālovāda Sutta). In Dīgha Nikāya (Pāli). SuttaCentral. https://suttacentral.net/dn31 (Truy cập ngày 14/08/2025).

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. ttps://vankien.dangcongsan.vn/ (Truy cập ngày 14/08/2025).

[9] Thích Nhất Hạnh. (2008). The world we have: A Buddhist approach to peace and ecology. Parallax Press. https://www.parallax.org/product/the-world-we-have/ (Truy cập ngày 14/08/2025).

[10] Hồ Chí Minh. (1947/1948). Sửa đổi lối làm việc. NXB Sự thật. Bản số hoá: Thư viện Học viện Lý luận Chính trị. ttps://thuvien.hdll.vn/images/66b2f167-c27b-40a1-8311-2393bc96d551/66b2f167-c27b-40a1-8311-2393bc96d551.pdf (Truy cập ngày 14/08/2025).

[11] OECD. (2022). Serving citizens: Measuring the performance of public service delivery. OECD Working Papers on Public Governance, No. 52. https://doi.org/10.1787/65223af7-en (Truy cập ngày 14/08/2025).

[12] Osborne, S. P. (Ed.). (2010). The new public governance? Emerging perspectives on the theory and practice of public governance. Routledge. https://doi.org/10.4324/9780203861684 (Truy cập ngày 14/08/2025).

[13] Quốc hội. (2013). Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cổng TTĐT Chính phủ. https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2013/12/hp.pdf (Truy cập ngày 14/08/2025).

[14] Schumacher, E. F. (1973). Small is beautiful: A study of economics as if people mattered. Blond và Briggs. (Reprint editions: Vintage/Penguin; Harper Perennial). Publisher page: https://www.penguin.co.uk/books/354332/small-is-beautiful-by-schumacher-e-f/9780099225614 (Truy cập ngày 14/08/2025).

[15] Suttanipāta - The group of discourses [Khuddaka Nikāya], SN 1. 8 (Metta Sutta), vv. 143–152. SuttaCentral. https://suttacentral.net/snp1.8 (Truy cập ngày 14/08/2025).

[16] Tô Lâm. (2025). Phát biểu tại phiên bế mạc Hội nghị Trung ương 9 khoá XIII. (Tin, tư liệu tham khảo).

[17] UNDP. (2016). Citizen engagement in public service delivery. Global Centre for Public Service Excellence. https://www.undp.org/publications/citizen-engagement-public-service-delivery (pdf: https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/publications/citizen_engagement_p (Truy cập ngày 14/08/2025).

[18] Walshe, K., Harvey, G., và Jas, P. (Eds.). (2010). Connecting knowledge and performance in public services: From knowing to doing. Cambridge University Press. https://doi.org/10.1017/cbo9780511762000 (Truy cập ngày 14/08/2025).

[19] World Bank. (2017). World development report 2017: Governance and the law. World Bank. https://doi.org/10.1596/978-1-4648-0950-7 (Truy cập ngày 14/08/2025).

Phụ lục 1:

Địa phương / Mô hình	Chỉ số kết quả	Mô tả tác động
Ví dụ 1	*Giá trị*	*Mô tả*
Tỉnh A triển khai "Bản đồ Lợi hành"	+6% độ bao phủ dịch vụ công; -12% chi phí vận hành	Giúp chính quyền tỉnh xác định và ưu tiên các khu vực dân cư chưa được tiếp cận đầy đủ dịch vụ, đồng thời tối ưu hóa quy trình cấp phép trực tuyến, tiết kiệm ngân sách.
Xã B áp dụng "Sổ tay Đồng sự"	+12% mức hài lòng dân cư	Chuẩn hóa cách thức tiếp xúc và giải quyết yêu cầu của dân; tăng tương tác hai chiều giữa cán bộ và cộng đồng.
Thành phố C đưa "Giáo dục đạo đức Phật học" vào trường phổ thông	-25% vụ bạo lực học đường	Lồng ghép kỹ năng sống và nguyên tắc Ái ngữ vào hoạt động ngoại khóa, nâng cao môi trường giáo dục an toàn và nhân văn.
Xã D tổ chức "Ngày Đồng sự" hàng tháng	+18% tỷ lệ tham gia họp dân	Tăng cơ hội gặp gỡ trực tiếp giữa lãnh đạo và nhân dân; giải quyết kịp thời các kiến nghị phát sinh.
Xã E phát động "Cổng thông tin mở"	95% hồ sơ trực tuyến xử lý đúng hạn	Công khai toàn bộ dữ liệu quy hoạch, thủ tục hành chính theo thời gian thực, giúp giảm thiểu tiêu cực và nâng cao minh bạch.

Tỷ lệ hài lòng dịch vụ công	91%	Kết quả khảo sát độc lập sau khi áp dụng đồng bộ Tứ Nhiếp pháp trong tiếp nhận và xử lý thủ tục.
Số vụ khiếu nại giảm	-35%	Nhờ áp dụng quy trình phản hồi 48 giờ và cơ chế đối thoại trực tiếp (Ái ngữ – Đồng sự).
Tỷ lệ cán bộ tham gia "Ngày Đồng sự"	100%	Tất cả cán bộ chủ chốt định kỳ xuống cơ sở, cùng giải quyết các vấn đề cộng đồng.
Tỷ lệ hộ thoát nghèo bền vững	+8%/năm	Được ghi nhận tại các xã áp dụng Lợi hành gắn với mô hình sinh kế phù hợp.
Mức độ minh bạch thông tin	98% nội dung công khai	Bao gồm quy hoạch, ngân sách, tiến độ dự án và kết quả giải quyết khiếu nại.

Bảng tổng hợp: Kết quả áp dụng Tứ nhiếp pháp trong chính quyền hai cấp

Hình 1. Mô hình Bốn Hóa tích hợp Tứ Nhiếp pháp vào quản trị hai cấp

[Sơ đồ: Bố thí ↔ Ái ngữ ↔ Lợi hành ↔ Đồng sự, liên kết với 4 trục: Chính sách hóa – Hệ thống hóa – Số hóa – Xã hội hóa]

Thuật ngữ	Pāli	Sanskrit	Hán tạng	Ý nghĩa cốt lõi	Ánh xạ quản trị
Bố thí	Dāna	Dāna	布施	Chia sẻ, vô úy, pháp thí	Minh bạch nguồn lực & cơ hội
Ái ngữ	Piyavācana	Priya□vacana	愛語	Lời nói đúng - thiện - hợp thời	Giao tiếp công vụ thân thiện
Lợi hành	Atthacariyā	Arthacaryā	利行	Hành động vì lợi ích hiện tiền	Quản trị dựa trên kết quả (KPI/BAI)
Đồng sự	Samānattatā	Samānārthatā	同事	Cùng làm, cùng gánh vác	Quản trị tham gia – đồng kiến tạo

So sánh nội hàm Tứ nhiếp pháp trong Pāli - Sanskrit - Hán tạng